

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 22 /TT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thành lập các phường thuộc
thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Thanh Hóa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 271/TTg-CN ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận kết quả báo cáo rà soát, đánh giá thành phố Thanh Hóa theo tiêu chí đô thị loại I, trực thuộc tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 336/BNV-CQDP ngày 24/01/2018 của Bộ Nội vụ về chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa xây dựng đề án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa; tổ chức lấy ý kiến cử tri, trình Hội đồng nhân dân các xã, Hội đồng nhân dân thành phố Thanh Hóa thông qua và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định.

Để hoàn chỉnh hồ sơ, đề án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

1. Sự cần thiết thành lập các phường

Thành phố Thanh Hóa là đô thị tỉnh lỵ, loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, với vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa; là một trong những trung tâm kinh tế, dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao của vùng phía Nam Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; là đầu mối giao lưu của tỉnh Thanh Hóa với cả nước và quốc tế; có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh; là đô thị phát triển dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực, chú trọng các ngành dịch vụ kỹ thuật cao; phát triển công nghiệp sạch, công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn; phát triển nông nghiệp áp dụng công nghệ sinh học với các sản phẩm có giá trị kinh tế cao; phát triển du lịch văn hóa - lịch sử, sinh thái, phát huy bản sắc văn hóa xứ Thanh.

Sau hơn 10 năm thực hiện quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, theo Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 16/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ và sau 08 năm điều chỉnh về thành phố Thanh Hóa quản lý, theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 29/02/2012 của Chính phủ; cùng với sự phát triển chung của thành phố Thanh Hóa, các xã Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh đã có bước phát triển vượt bậc về kinh tế; tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt khá; cơ cấu chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách vượt mục tiêu kế hoạch; văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; xóa đói giảm nghèo được quan tâm; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao.

Là khu vực giáp ranh trực tiếp với khu vực nội thành, đồng thời cũng là nơi tập trung nhiều cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà máy... đã làm tăng nhanh dân số cơ học, dẫn đến quy mô, mật độ dân số của các xã ngày càng tăng; dân cư chuyển sang sinh sống bằng các ngành nghề kinh doanh, thương mại, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, làm tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn các xã. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng đồng bộ; hệ thống giao thông trên địa bàn các xã cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; hệ thống cấp nước, thoát nước được đầu tư xây dựng hoàn thiện; các tuyến đường chính được chiếu sáng công cộng; các hộ dân được sử dụng nước sạch; rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đã đặt ra cho các xã Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư theo mô hình đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Từ những vấn đề trên, có thể thấy mô hình quản lý chính quyền nông thôn hiện nay không còn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn các xã, đòi hỏi phải có mô hình chính quyền đô thị để quản lý. Thành lập các phường Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã, không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; đồng thời, thành lập các phường cũng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thanh Hóa, đảm bảo cơ cấu nội, ngoại thành trong tương lai, đáp ứng vai trò là trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

Từ những vấn đề nêu trên, việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa là thực sự cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng nguyện

vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nói chung và thành phố Thanh Hóa nói riêng.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn thành lập các phường

2.1. Điều kiện thành lập các phường:

Thành lập các phường: Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; cụ thể: (1) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị; (2) Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương; phát huy, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; (3) Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; (4) Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho nhân dân.

2.2. Tiêu chuẩn thành lập các phường:

Thành lập các phường: Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh đạt đủ 04/04 tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thành phố theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(có *Bảng tổng hợp gửi kèm theo*).

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

1. Phương án thành lập các phường

1.1. Phương án thành lập phường Quảng Phú:

Thành lập phường Quảng Phú trên cơ sở nguyên trạng 6,50 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.534 người của xã Quảng Phú.

Địa giới hành chính phường Quảng Phú: Đông giáp huyện Hoằng Hóa và thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Đông; Nam giáp phường Quảng Cát và phường Quảng Tâm; Bắc giáp phường Quảng Hưng.

1.2. Phương án thành lập phường Quảng Đông:

Thành lập phường Quảng Đông trên cơ sở nguyên trạng 5,33 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.395 người của xã Quảng Đông.

Địa giới hành chính phường Quảng Đông: Đông giáp phường Quảng Phú và phường Quảng Cát; Tây giáp phường Quảng Thành và huyện Quảng Xương; Nam giáp phường Quảng Cát và huyện Quảng Xương; Bắc giáp phường Quảng Thành và phường Quảng Hưng.

1.3. Phương án thành lập phường Quảng Thịnh:

Thành lập phường Quảng Thịnh trên cơ sở nguyên trạng 4,89 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.374 người của xã Quảng Thịnh.

Địa giới hành chính phường Quảng Thịnh: Đông giáp phường Quảng Thành và huyện Quảng Xương; Tây giáp xã Đông Vinh; Nam giáp huyện Quảng Xương; Bắc giáp phường Quảng Thắng và phường Đông Vệ.

1.4. Phương án thành lập phường Quảng Tâm:

Thành lập phường Quảng Tâm trên cơ sở nguyên trạng 3,67 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.230 người của xã Quảng Tâm.

Địa giới hành chính phường Quảng Tâm: Đông giáp thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Cát và phường Quảng Phú; Nam giáp phường Quảng Cát và thành phố Sầm Sơn; Bắc giáp phường Quảng Phú.

1.5. Phương án thành lập phường Quảng Cát:

Thành lập phường Quảng Cát trên cơ sở nguyên trạng 6,65 km² diện tích tự nhiên và dân số 11.505 người của xã Quảng Cát.

Địa giới hành chính phường Quảng Cát: Đông giáp phường Quảng Tâm và thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Đông và huyện Quảng Xương, thành phố Sầm Sơn; Nam giáp thành phố Sầm Sơn; Bắc giáp phường Quảng Phú, phường Quảng Tâm và phường Quảng Đông.

1.6. Phương án thành lập phường Thiệu Khánh:

Thành lập phường Thiệu Khánh trên cơ sở nguyên trạng 5,32 km² diện tích tự nhiên và dân số 12.425 người của xã Thiệu Khánh.

Địa giới hành chính phường Thiệu Khánh: Đông giáp phường Thiệu Dương và huyện Hoằng Hóa; Tây giáp xã Thiệu Vân và huyện Thiệu Hóa; Nam giáp xã Thiệu Vân; Bắc giáp huyện Thiệu Hóa.

1.7. Phương án thành lập phường Thiệu Dương:

Thành lập phường Thiệu Dương trên cơ sở nguyên trạng 5,71 km² diện tích tự nhiên và dân số 13.122 người của xã Thiệu Dương.

Địa giới hành chính phường Thiệu Dương: Đông giáp phường Tào Xuyên và huyện Hoằng Hóa; Tây giáp xã Thiệu Vân và phường Thiệu Khánh; Nam giáp phường Hàm Rồng và phường Đông Cương; Bắc giáp phường Thiệu Khánh và huyện Hoằng Hóa.

1.8. Phương án thành lập phường Đông Tân:

Thành lập phường Đông Tân trên cơ sở nguyên trạng 4,42 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.515 người của xã Đông Tân.

Địa giới hành chính phường Đông Tân: Đông giáp phường Phú Sơn và phường An Hưng; Tây giáp huyện Đông Sơn; Nam giáp phường An Hưng; Bắc giáp phường Đông Lĩnh và huyện Đông Sơn.

1.9. Phương án thành lập phường Đông Lĩnh:

Thành lập phường Đông Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng 8,74 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.764 người của xã Đông Lĩnh.

Địa giới hành chính phường Đông Lĩnh: Đông giáp phường Đông Cương, phường Đông Thọ và phường Phú Sơn; Tây giáp huyện Đông Sơn;

Nam giáp phường Phú Sơn, phường Đông Tân và huyện Đông Sơn; Bắc giáp phường Đông Cương và huyện Thiệu Hóa.

1.10. Phương án thành lập phường Long Anh:

Thành lập phường Long Anh trên cơ sở nguyên trạng 5,79 km² diện tích tự nhiên và dân số 11.243 người của xã Long Anh.

Địa giới hành chính phường Long Anh: Đông giáp huyện Hoằng Hóa; Tây giáp phường Tào Xuyên, phường Nam Ngạn và phường Hàm Rồng; Nam giáp phường Nam Ngạn và xã Hoằng Quang; Bắc giáp phường Tào Xuyên và huyện Hoằng Hóa.

2. Kết quả sau khi thành lập các phường

Thành phố Thanh Hóa có 34 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 30 phường: Ba Đình, Điện Biên, Đông Hải, Đông Sơn, Đông Vệ, Hàm Rồng, Lam Sơn, Nam Ngạn, Ngọc Trao, Quảng Thắng, Quảng Thành, Tân Sơn, Trường Thi, Quảng Hùng, Đông Hương, Đông Cương, Phú Sơn, Đông Thọ, Tào Xuyên, An Hưng, Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh, Long Anh và 04 xã: Đông Vinh, Hoằng Đại, Hoằng Quang, Thiệu Vân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ hoàn chỉnh hồ sơ đề án, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

(có Đề án và dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

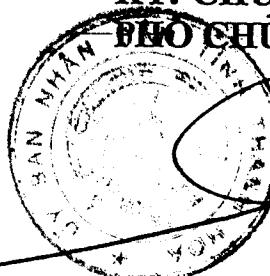
Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tách thành chủ trương thành lập các phường
thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân
loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc
tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
hướng dẫn lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới
đơn vị hành chính;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thành lập các phường thuộc thành phố Thanh
Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ...
năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố
Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa:

1.1. Thành lập phường Quảng Phú:

Thành lập phường Quảng Phú trên cơ sở nguyên trạng 6,50 km² diện tích
tự nhiên và dân số 10.534 người của xã Quảng Phú.

Địa giới hành chính phường Quảng Phú: Đông giáp huyện Hoằng Hóa và
thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Đông; Nam giáp phường Quảng
Cát và phường Quảng Tâm; Bắc giáp phường Quảng Hưng.

1.2. Thành lập phường Quảng Đông:

Thành lập phường Quảng Đông trên cơ sở nguyên trạng 5,33 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.395 người của xã Quảng Đông.

Địa giới hành chính phường Quảng Đông: Đông giáp phường Quảng Phú và phường Quảng Cát; Tây giáp phường Quảng Thành và huyện Quảng Xương; Nam giáp phường Quảng Cát và huyện Quảng Xương; Bắc giáp phường Quảng Thành và phường Quảng Hưng.

1.3. Thành lập phường Quảng Thịnh:

Thành lập phường Quảng Thịnh trên cơ sở nguyên trạng 4,89 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.374 người của xã Quảng Thịnh.

Địa giới hành chính phường Quảng Thịnh: Đông giáp phường Quảng Thành và huyện Quảng Xương; Tây giáp xã Đông Vinh; Nam giáp huyện Quảng Xương; Bắc giáp phường Quảng Thắng và phường Đông Vệ.

1.4. Thành lập phường Quảng Tâm:

Thành lập phường Quảng Tâm trên cơ sở nguyên trạng 3,67 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.230 người của xã Quảng Tâm.

Địa giới hành chính phường Quảng Tâm: Đông giáp thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Cát và phường Quảng Phú; Nam giáp phường Quảng Cát và thành phố Sầm Sơn; Bắc giáp phường Quảng Phú.

1.5. Thành lập phường Quảng Cát:

Thành lập phường Quảng Cát trên cơ sở nguyên trạng 6,65 km² diện tích tự nhiên và dân số 11.505 người của xã Quảng Cát.

Địa giới hành chính phường Quảng Cát: Đông giáp phường Quảng Tâm và thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Đông và huyện Quảng Xương, thành phố Sầm Sơn; Nam giáp thành phố Sầm Sơn; Bắc giáp phường Quảng Phú, phường Quảng Tâm và phường Quảng Đông.

1.6. Thành lập phường Thiệu Khánh:

Thành lập phường Thiệu Khánh trên cơ sở nguyên trạng 5,32 km² diện tích tự nhiên và dân số 12.425 người của xã Thiệu Khánh.

Địa giới hành chính phường Thiệu Khánh: Đông giáp phường Thiệu Dương và huyện Hoằng Hóa; Tây giáp xã Thiệu Vân và huyện Thiệu Hóa; Nam giáp xã Thiệu Vân; Bắc giáp huyện Thiệu Hóa.

1.7. Thành lập phường Thiệu Dương:

Thành lập phường Thiệu Dương trên cơ sở nguyên trạng 5,71 km² diện tích tự nhiên và dân số 13.122 người của xã Thiệu Dương.

Địa giới hành chính phường Thiệu Dương: Đông giáp phường Tào Xuyên và huyện Hoằng Hóa; Tây giáp xã Thiệu Vân và phường Thiệu Khánh; Nam giáp phường Hàm Rồng và phường Đông Cường; Bắc giáp phường Thiệu Khánh và huyện Hoằng Hóa.

1.8. Thành lập phường Đông Tân:

Thành lập phường Đông Tân trên cơ sở nguyên trạng 4,42 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.515 người của xã Đông Tân.

Địa giới hành chính phường Đông Tân: Đông giáp phường Phú Sơn và phường An Hưng; Tây giáp huyện Đông Sơn; Nam giáp phường An Hưng; Bắc giáp phường Đông Lĩnh và huyện Đông Sơn.

1.9. Thành lập phường Đông Lĩnh:

Thành lập phường Đông Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng 8,74 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.764 người của xã Đông Lĩnh.

Địa giới hành chính phường Đông Lĩnh: Đông giáp phường Đông Cương, phường Đông Thọ và phường Phú Sơn; Tây giáp huyện Đông Sơn; Nam giáp phường Phú Sơn, phường Đông Tân và huyện Đông Sơn; Bắc giáp phường Đông Cương và huyện Thiệu Hóa.

1.10. Thành lập phường Long Anh:

Thành lập phường Long Anh trên cơ sở nguyên trạng 5,79 km² diện tích tự nhiên và dân số 11.243 người của xã Long Anh.

Địa giới hành chính phường Long Anh: Đông giáp huyện Hoằng Hóa; Tây giáp phường Tào Xuyên, phường Nam Ngạn và phường Hàm Rồng; Nam giáp phường Nam Ngạn và xã Hoằng Quang; Bắc giáp phường Tào Xuyên và huyện Hoằng Hóa.

2. Sau khi thành lập các phường, thành phố Thanh Hóa có 34 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 30 phường: Ba Đình, Điện Biên, Đông Hải, Đông Sơn, Đông Vệ, Hàm Rồng, Lam Sơn, Nam Ngạn, Ngọc Trao, Quảng Thắng, Quảng Thành, Tân Sơn, Trường Thi, Quảng Hưng, Đông Hương, Đông Cương, Phú Sơn, Đông Thọ, Tào Xuyên, An Hưng, Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh, Long Anh và 04 xã: Đông Vinh, Hoằng Đại, Hoằng Quang, Thiệu Vân.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, hoàn chỉnh hồ sơ đề án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- VPQH, VP Chủ tịch nước, VPCP (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND thành phố Thanh Hóa;
- Cổng TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 4 năm 2020

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN
Thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

**PHẦN THỨ NHẤT
SỰ CẨM THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG**

Thành phố Thanh Hóa là đô thị tỉnh lỵ, loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, với vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa; là một trong những trung tâm kinh tế, dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao của vùng phía Nam Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; là đầu mối giao lưu của tỉnh Thanh Hóa với cả nước và quốc tế; có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh; là đô thị phát triển dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực, chú trọng các ngành dịch vụ kỹ thuật cao; phát triển công nghiệp sạch, công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn; phát triển nông nghiệp áp dụng công nghệ sinh học với các sản phẩm có giá trị kinh tế cao; phát triển du lịch văn hóa - lịch sử, sinh thái, phát huy bản sắc văn hóa xứ Thanh.

Sau hơn 10 năm thực hiện quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, theo Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 16/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ và sau 08 năm điều chỉnh về thành phố Thanh Hóa quản lý, theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 29/02/2012 của Chính phủ; cùng với sự phát triển chung của thành phố Thanh Hóa, các xã Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Linh và Long Anh đã có bước phát triển vượt bậc về kinh tế; tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt khá; cơ cấu chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách vượt mục tiêu kế hoạch; văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; xóa đói giảm nghèo được quan tâm; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao.

Là khu vực giáp ranh trực tiếp với khu vực nội thành, đồng thời cũng là nơi tập trung nhiều cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà máy... đã làm tăng nhanh dân số cơ học, dẫn đến quy mô, mật độ dân số của các xã ngày càng tăng; dân cư chuyển sang sinh sống bằng các ngành nghề kinh doanh, thương mại, sản xuất công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp, làm tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn các xã. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng đồng bộ; hệ thống giao thông trên địa bàn các xã cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; hệ thống cấp nước, thoát nước được đầu tư xây dựng hoàn thiện; các tuyến đường chính được chiếu sáng công cộng; các hộ dân được sử dụng nước sạch; rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đã đặt ra cho các xã Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư theo mô hình đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Từ những vấn đề trên, có thể thấy mô hình quản lý chính quyền nông thôn hiện nay không còn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn các xã, đòi hỏi phải có mô hình chính quyền đô thị để quản lý. Thành lập các phường Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã, không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; đồng thời, thành lập các phường cũng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thanh Hóa, đảm bảo cơ cấu nội, ngoại thành trong tương lai, đáp ứng vai trò là trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

Từ những vấn đề nêu trên, việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa là thực sự cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nói chung và thành phố Thanh Hóa nói riêng.

PHẦN THỨ HAI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG

I. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

Thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

1. Phù hợp với quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35% theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh Thanh Hóa; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các xã sau khi được lên phường.

4. Thành lập các phường sẽ phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa ... từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe với điều kiện thuận lợi, chất lượng tốt hơn; tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập, mức sống của người dân.

5. Thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa nhằm tạo điều kiện tốt hơn trong bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

6. Đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa anh hùng của địa phương; tạo sự thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tạo được sự đồng thuận của nhân dân trên địa bàn.

II. TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG

Theo Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các xã dự kiến thành lập phường đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số. Tiêu chuẩn quy mô dân số của phường thuộc thành phố thuộc tỉnh là 7.000 người trở lên.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên. Tiêu chuẩn diện tích của phường thuộc thành phố thuộc tỉnh là 5,5 km².

- Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13. Gồm 03 chỉ tiêu:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	(Đạt bình quân thành phố) 1,10
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 80

- Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Gồm 12 chỉ tiêu:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định
1	Đất công trình giáo dục Mầm non và phổ thông cơ sở	m ² /người	≥ 2,7
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 người	≥ 1
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	≥ 2

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 13
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/người/năm	≥ 850
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95
10	Mật độ đường công thoát nước chính	Km/km ²	≥ 4
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 40
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90

Kết quả rà soát các tiêu chí của các xã thành lập phường như sau:

TT	Đơn vị	Tiêu chuẩn 1	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 3	Tiêu chuẩn 4
1	Xã Quảng Phú	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Xã Quảng Đông	Đạt	Đạt 97%	Đạt	Đạt
3	Xã Quảng Thịnh	Đạt	Đạt 89%	Đạt	Đạt
4	Xã Quảng Tâm	Đạt	Đạt 66,8%	Đạt	Đạt
5	Xã Quảng Cát	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
6	Xã Thiệu Khánh	Đạt	Đạt 96,9%	Đạt	Đạt
7	Xã Thiệu Dương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Xã Đông Tân	Đạt	Đạt 80,4%	Đạt	Đạt
9	Xã Đông Lĩnh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10	Xã Long Anh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

PHẦN THỨ BA
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC
THÀNH PHỐ THANH HÓA

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

1. Hiện trạng tỉnh Thanh Hóa

Tỉnh Thanh Hóa có diện tích tự nhiên 11.114,65 km² với dân số 3.558.150 người; 27 đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm 02 thành phố: Thanh Hóa, Sầm Sơn, 01 thị xã Bỉm Sơn, 24 huyện: Bá Thước, Cẩm Thủy, Đông Sơn, Hà Trung, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Lang Chánh, Mường Lát, Nga Sơn, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Nông Cống, Quan Hóa, Quan Sơn, Quảng Xương, Thạch Thành, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Thường Xuân, Tĩnh Gia, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định; 559 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 34 phường, 29 thị trấn, 496 xã.

Địa giới hành chính tỉnh Thanh Hóa: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; Nam giáp tỉnh Nghệ An; Bắc giáp các tỉnh Sơn La, Hòa Bình, Ninh Bình.

2. Hiện trạng thành phố Thanh Hóa

Thành phố Thanh Hóa có tổng diện tích tự nhiên 145,41 km², quy mô dân số 510.053 người, có 34 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 20 phường: Ba Đình, Điện Biên, Đông Hải, Đông Sơn, Đông Vệ, Hàm Rồng, Lam Sơn, Nam Ngạn, Ngọc Trao, Quảng Thắng, Quảng Thành, Tân Sơn, Trường Thi, Quảng Hưng, Đông Hương, Đông Cường, Phú Sơn, Đông Thọ, Tào Xuyên, An Hưng và 14 xã: Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh, Long Anh, Đông Vinh, Hoằng Đại, Hoằng Quang, Thiệu Vân.

Địa giới hành chính: Đông giáp huyện Hoằng Hóa và thành phố Sầm Sơn; Tây giáp huyện Đông Sơn; Nam giáp huyện Quảng Xương; Bắc giáp huyện Hoằng Hóa và huyện Thiệu Hóa.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

1. Thành lập phường Quảng Phú:

Thành lập phường Quảng Phú trên cơ sở nguyên trạng 6,50 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.534 người của xã Quảng Phú.

Địa giới hành chính phường Quảng Phú: Đông giáp huyện Hoằng Hóa và thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Đông; Nam giáp phường Quảng Cát và phường Quảng Tâm; Bắc giáp phường Quảng Hưng.

2. Thành lập phường Quảng Đông:

Thành lập phường Quảng Đông trên cơ sở nguyên trạng 5,33 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.395 người của xã Quảng Đông.

Địa giới hành chính phường Quảng Đông: Đông giáp phường Quảng Phú và phường Quảng Cát; Tây giáp phường Quảng Thành và huyện Quảng Xương; Nam giáp phường Quảng Cát và huyện Quảng Xương; Bắc giáp phường Quảng Thành và phường Quảng Hưng.

3. Thành lập phường Quảng Thịnh:

Thành lập phường Quảng Thịnh trên cơ sở nguyên trạng 4,89 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.374 người của xã Quảng Thịnh.

Địa giới hành chính phường Quảng Thịnh: Đông giáp phường Quảng Thành và huyện Quảng Xương; Tây giáp xã Đông Vinh; Nam giáp huyện Quảng Xương; Bắc giáp phường Quảng Thắng và phường Đông Vệ.

4. Thành lập phường Quảng Tâm:

Thành lập phường Quảng Tâm trên cơ sở nguyên trạng 3,67 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.230 người của xã Quảng Tâm.

Địa giới hành chính phường Quảng Tâm: Đông giáp thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Cát và phường Quảng Phú; Nam giáp phường Quảng Cát và thành phố Sầm Sơn; Bắc giáp phường Quảng Phú.

5. Thành lập phường Quảng Cát:

Thành lập phường Quảng Cát trên cơ sở nguyên trạng 6,65 km² diện tích tự nhiên và dân số 11.505 người của xã Quảng Cát.

Địa giới hành chính phường Quảng Cát: Đông giáp phường Quảng Tâm và thành phố Sầm Sơn; Tây giáp phường Quảng Đông và huyện Quảng Xương, thành phố Sầm Sơn; Nam giáp thành phố Sầm Sơn; Bắc giáp phường Quảng Phú, phường Quảng Tâm và phường Quảng Đông.

6. Thành lập phường Thiệu Khánh:

Thành lập phường Thiệu Khánh trên cơ sở nguyên trạng 5,32 km² diện tích tự nhiên và dân số 12.425 người của xã Thiệu Khánh.

Địa giới hành chính phường Thiệu Khánh: Đông giáp phường Thiệu Dương và huyện Hoằng Hóa; Tây giáp xã Thiệu Vân và huyện Thiệu Hóa; Nam giáp xã Thiệu Vân; Bắc giáp huyện Thiệu Hóa.

7. Thành lập phường Thiệu Dương:

Thành lập phường Thiệu Dương trên cơ sở nguyên trạng 5,71 km² diện tích tự nhiên và dân số 13.122 người của xã Thiệu Dương.

Địa giới hành chính phường Thiệu Dương: Đông giáp phường Tào Xuyên và huyện Hoằng Hóa; Tây giáp xã Thiệu Vân và phường Thiệu Khánh; Nam giáp phường Hàm Rồng và phường Đông Cường; Bắc giáp phường Thiệu Khánh và huyện Hoằng Hóa.

8. Thành lập phường Đông Tân:

Thành lập phường Đông Tân trên cơ sở nguyên trạng 4,42 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.515 người của xã Đông Tân.

Địa giới hành chính phường Đông Tân: Đông giáp phường Phú Sơn và phường An Hưng; Tây giáp huyện Đông Sơn; Nam giáp phường An Hưng; Bắc giáp phường Đông Lĩnh và huyện Đông Sơn.

9. Thành lập phường Đông Lĩnh:

Thành lập phường Đông Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng 8,74 km² diện tích tự nhiên và dân số 10.764 người của xã Đông Lĩnh.

Địa giới hành chính phường Đông Lĩnh: Đông giáp phường Đông Cường, phường Đông Thọ và phường Phú Sơn; Tây giáp huyện Đông Sơn; Nam giáp

phường Phú Sơn, phường Đông Tân và huyện Đông Sơn; Bắc giáp phường Đông Cường và huyện Thiệu Hóa.

10. Thành lập phường Long Anh:

Thành lập phường Long An trên cơ sở nguyên trạng 5,79 km² diện tích tự nhiên và dân số 11.243 người của xã Long An.

Địa giới hành chính phường Long Anh: Đông giáp huyện Hoằng Hóa; Tây giáp phường Tào Xuyên, phường Nam Ngạn và phường Hàm Rồng; Nam giáp phường Nam Ngạn và xã Hoằng Quang; Bắc giáp phường Tào Xuyên và huyện Hoằng Hóa.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

III. KẾT QUẢ

I. Thành phố Thanh Hóa
Thành phố Thanh Hóa có tổng diện tích tự nhiên 145,41 km², quy mô dân số 510.053 người, 34 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 30 phường: Ba Đình, Điện Biên, Đông Hải, Đông Sơn, Đông Vệ, Hàm Rồng, Lam Sơn, Nam Ngạn, Ngọc Trao, Quảng Thắng, Quảng Thành, Tân Sơn, Trường Thi, Quảng Hưng, Đông Hương, Đông Cường, Phú Sơn, Đông Thọ, Tào Xuyên, An Hưng, Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh, Long Anh và 4 xã: Đông Vinh, Hoàng Đại, Hoàng Quang, Thiệu Vân (tăng 10 phường, giảm 10 xã).

2. Các phường sau khi thành lập

Stt	Đơn vị	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)
1	Phường Quảng Phú	6,50	10.534
2	Phường Quảng Đông	5,33	8.395
3	Phường Quảng Thịnh	4,89	10.374
4	Phường Quảng Tâm	3,67	10.230
5	Phường Quảng Cát	6,65	11.505
6	Phường Thiệu Khánh	5,32	12.425
7	Phường Thiệu Dương	5,71	13.122
8	Phường Đông Tân	4,42	8.515
9	Phường Đông Lĩnh	8,74	10.764
10	Phường Long Anh	5,79	11.243

PHẦN THỨ TƯ
**PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU
KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP**

I. Định hướng phát triển của thành phố Thanh Hóa

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển thành phố Thanh Hóa trong mối liên kết chặt chẽ với Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn và các huyện lân cận trong tỉnh; tương xứng với vai trò trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

- Tập trung chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, công nghiệp - công nghệ cao, nông nghiệp sạch gắn với xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, thân thiện môi trường, giàu bản sắc văn hóa, phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử và điều kiện tự nhiên, cảnh quan sinh thái, tiềm năng trở thành một trong những thành phố có sức hấp dẫn lớn trong cả nước. Phấn đấu trở thành đô thị động lực trong phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Nam Bắc bộ và Bắc Trung bộ.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông. Giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội như: đào tạo nghề cho lao động, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp, chăm lo cho đối tượng chính sách, người có công, trẻ em nghèo, mồ côi, khuyết tật.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về kinh tế giai đoạn 2021 - 2025:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm: 15,3%, trong đó: dịch vụ 18,4%; Công nghiệp - xây dựng 14%; Nông, lâm, thủy sản 3,1%.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025: 130 triệu đồng.

- Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm giữ ở mức 40.000 tấn.

- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025: 375 ha.

- Giá trị sản phẩm/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025: 160 triệu đồng.

- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển thời kỳ 2021 - 2025: 160.000 tỷ đồng

- Tỷ lệ tăng thu ngân sách hàng năm: 15%.

- Tổng số doanh nghiệp mới được thành lập thời kỳ 2021 - 2025: 6500 doanh nghiệp.

- Tỷ lệ số xã, thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025: 100%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025: 98%.

- Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính quốc lộ, tỉnh lộ) được cứng hóa (bê tông hóa, nhựa hóa) đến năm 2025: 100%.

2.2. Về văn hóa - xã hội: 10 chỉ tiêu.

- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm: 0,99%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2025: 3%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025: 90%.

- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm 2025: 100%.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025: 100%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2025: 7%.
- Tỷ lệ tham gia BHYT/tổng số dân năm 2025: 95%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025: 100%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm đến năm 2025: 0,3%.
- Tỷ lệ xã, phường cơ quan đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2025: 35%.

2.3. Về môi trường: 03 chỉ tiêu.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025: 2,5%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2025: 100%, trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch: 100%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025: 100%.

2.4. Về an ninh trật tự: 01 chỉ tiêu.

Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025: 95%.

2.5. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: 02 chỉ tiêu.

- Tổng số Đảng viên kết nạp mới thời kỳ 2021 - 2025: 1.200 Đảng viên.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ bình quân hàng năm: 80% trở lên.

3. Định hướng phát triển của các phường thành lập mới

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, thực hiện tốt chính sách an sinh, xã hội.
 - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hướng tới tăng dần tỷ trọng tiêu thụ công nghiệp và dịch vụ thương mại, gắn với việc giải quyết việc làm và tăng lao động trong các ngành tiêu thụ công nghiệp và dịch vụ, giảm dần số lao động ngành nông nghiệp.
 - Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.
 - Ưu tiên nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm. Phát triển không gian đô thị theo đúng quy hoạch và Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt.
 - Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, các chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Huy động tối đa các nguồn lực cho giảm nghèo.
 - Thực hiện đồng bộ các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, tăng cường trấn áp các tội phạm và các tệ nạn xã hội. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP MỚI CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ THANH HÓA

1. Về kinh tế

- Tăng tỷ trọng công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội; tăng cường thu hút đầu tư vào địa bàn. Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng 02 điểm công nghiệp bao gồm: Cụm nghề, làng nghề phía Tây Nam thành phố tại phường An Hưng; Cụm nghề, làng nghề phía Đông Bắc thành phố tại phường Long Anh và một phần xã Hoàng Quang.

- Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, xây dựng hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ phù hợp với từng phường, tăng cường công tác quản lý thị trường. Khai thác hiệu quả phố đi bộ Phan Chu Trinh nhằm tạo sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn, thu hút khách du lịch, góp phần quảng bá giá trị văn hóa truyền thống, văn minh đô thị của thành phố Thanh Hóa.

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp chất lượng cao, trong đó chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Từng bước chuyển dịch dần số hộ sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi diện tích đất canh tác kém hiệu quả sang đất chuyên dùng, đất dân cư; trọng tâm là hoa, cây cảnh ở các phường Thiệu Dương, Đông Lĩnh và Đông Cường. Tiếp tục vận động nhân dân tham gia sản xuất rau an toàn trên cơ sở quy hoạch vùng sản xuất tập trung có sự hỗ trợ về hạ tầng của nhà nước.

2. Về văn hóa - xã hội

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh trong đời sống sinh hoạt của nhân dân, nâng cao chất lượng sống, thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với chương trình người dân thành phố Thanh Hóa “nói lời hay, làm việc tốt, hành động thân thiện”. Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao, dự kiến đến năm 2025 khánh thành Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố với tổng mức đầu tư khoảng 199 tỷ đồng; Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn với tổng mức đầu tư khoảng 125 tỷ đồng.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đặc biệt quan tâm tới các trung tâm dạy nghề, trung cấp nghề, trên cơ sở hiện có và nhu cầu mở rộng trong tương lai nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị. Tới năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100% và 50% số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Các trường THPT và THCS được ứng dụng Công nghệ Thông tin trong dạy, học trực tuyến.

- Nâng cao chất lượng toàn bộ mạng lưới y tế; hoàn thành cải tạo nâng cấp, mở rộng và bổ sung trang thiết bị cho bệnh viện đa khoa, nâng cấp các trạm y tế, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, các công trình dịch vụ công cộng, công viên cây xanh và các công trình phục vụ lợi ích công cộng.

- Phát triển một xã hội lành mạnh, ổn định, trong đó con người là đối tượng quan tâm hàng đầu và cũng là chủ thể đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

3. Quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển hạ tầng đô thị

- Tăng cường đầu tư cải tạo chỉnh trang khu vực đô thị, kêu gọi các dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị mới như khu đô thị Hồ Thành, khu đô thị Đông Nam thành phố, khu đô thị Hàm Rồng - Núi Đẹp, khu đô thị mới Hoằng Quang - Hoằng Long..., các khu du lịch nghỉ dưỡng tại các phường mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa xã hội của thành phố trong tương lai.

- Tập trung các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật từng bước đồng bộ và hoàn chỉnh, đồng thời tiến hành chỉnh trang đô thị,

hoàn thiện hệ thống hè đường, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước, vệ sinh đường phố; xây dựng đô thị theo hướng “Sạch - xanh - sáng - đẹp”.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu đô thị, gắn với từng bước xây dựng đô thị thông minh, giải quyết các vấn đề bức xúc về giao thông, môi trường. Hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng trọng điểm trên địa bàn thành phố như: khu trung tâm hành chính, các dự án giao thông quan trọng (Mở rộng Đại lộ Lê Lợi, cầu qua sông Hạc); giáo dục đào tạo (Cung văn hóa Thiếu nhi), công viên quảng trường (Công viên nước Đông Hương; Công viên Núi Long), hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải (Xử lý ô nhiễm môi trường và xây dựng công viên Cồn Quán)....

4. Kiến trúc cảnh quan đô thị

- Xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị: Giai đoạn dài hạn (đến 2030): Thực hiện tốt theo Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

- Tuyến phố văn minh đô thị - không gian công cộng: Xây dựng tiêu chí công nhận các tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn nội thị; đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường chính, đảm bảo tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thành phố. Đầu tư xây dựng thêm 3 không gian công cộng (Công viên nước Đông Hương; Công viên Núi Long; Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn), duy tu nâng cấp 05 không gian công cộng hiện có (Quảng trường Lam Sơn; Công viên Thanh Quảng; Công viên Hội An...).

- Bảo tồn di sản: Duy trì, thu hút các nguồn vốn nâng cấp, bảo tồn trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa hiện có, đảm bảo tỷ lệ các di sản văn hóa thường xuyên được trùng tu tôn tạo đạt trên 65 - 70%.

5. Tài nguyên - môi trường

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trọng nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển các ngành, lĩnh vực. Xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu xử lý rác thải Đông Nam.

- Đẩy mạnh công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc, có chất lượng Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Công an, quân sự thành phố tiếp tục thực hiện các chương trình hành động giữa công an, quân sự với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, khu phố địa bàn dân cư an toàn về an ninh trật tự, gắn với xây dựng khu phố văn hóa.

- Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, chú trọng nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tầng lớp nhân

dân; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nền tảng chính trị vững chắc cho sự phát triển thành phố.

III. VỀ TIẾP TỤC SẮP XÉP TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1.1. Đối với các phường mới thành lập:

- Chuyển toàn bộ đại biểu Hội đồng nhân dân xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân phường và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2016 - 2021. Đồng thời, mở lớp bồi dưỡng các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập thuộc thành phố Thanh Hóa cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã hiện tại.

- Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị.

1.2. Đối với các xã còn lại:

Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc bố trí, sắp xếp, tinh giản, đảm bảo số lượng theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ Công an các phường

Thành lập Công an các phường trên cơ sở phương án của Công an tỉnh Thanh Hóa gồm: Công an phường Quảng Phú; Quảng Đông; Quảng Thịnh; Quảng Tâm; Quảng Cát; Thiệu Khánh; Thiệu Dương; Đông Tân; Đông Linh và Long Anh.

IV. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ THANH HÓA

1. Đối với thành phố Thanh Hóa

Kết quả rà soát tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thành phố thuộc tỉnh (số liệu tính đến ngày 31/12/2018) theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Thành phố Thanh Hóa đạt 90,94% về diện tích tự nhiên và đạt đủ về quy mô dân số.

2. Đối với các phường, xã

Kết quả rà soát tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã, phường theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; cụ thể như sau:

2.1. Đối với 10 phường mới thành lập:

a) Có 05 phường mới thành lập đều đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (diện tích $\geq 5,5$ km 2 , dân số ≥ 7.000 người), gồm: Quảng Phú; Quảng Cát; Thiệu Dương; Đông Lĩnh; Long Anh.

b) Có 05 phường mới thành lập đạt trên 50% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên nhưng vượt tiêu chuẩn về quy mô dân số gồm: Quảng Đông; Quảng Thịnh; Quảng Tâm; Thiệu Khánh; Đông Tân.

c) Đổi với 20 phường hiện hữu:

- Có 06 phường đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số gồm: Đông Hải; Quảng Thành; Quảng Hưng; Đông Cương; An Hưng; Tào Xuyên.

- Có 05 phường đạt trên 50% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên nhưng vượt tiêu chuẩn về quy mô dân số gồm: Đông Vệ; Hàm Rồng; Quảng Thắng; Đông Hương; Đông Thọ.

- Có 09 phường chưa đạt 50% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên nhưng vượt tiêu chuẩn về quy mô dân số gồm: Ba Đình; Điện Biên; Đông Sơn; Lam Sơn; Nam Ngạn; Ngọc Trao; Tân Sơn; Trường Thi; Phú Sơn.

d) Đổi với các xã:

- Có 02 xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên nhưng đạt trên 50% tiêu chuẩn về quy mô dân số theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (diện tích ≥ 30 km 2 , dân số ≥ 8.000 người), gồm: Hoằng Đại; Hoằng Quang.

- Có 02 xã chưa đạt 50% cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số gồm: Đông Vinh; Thiệu Vân.

3. Thực hiện việc sáp xếp các đơn vị hành chính cấp xã

3.1. Giai đoạn từ năm 2019 - 2020:

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 653 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong năm 2019, thành phố Thanh Hóa đã hoàn thành sáp nhập 02 xã Hoằng Long và Hoằng Anh để thành lập xã Long Anh; nhập xã Đông Hưng vào Phường An Hoạch để thành lập phường An Hưng; nhập xã Hoằng Lý vào phường Tào Xuyên để thành lập phường Tào Xuyên.

3.2. Giai đoạn từ nay đến hết năm 2025:

Phương án sáp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Thanh Hóa đến hết năm 2025. Sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, cụ thể:

- Sáp nhập phường Lam Sơn và phường Đông Sơn.
- Sáp nhập phường Ba Đình và Ngọc Trao.
- Sáp nhập phường Tân Sơn và Phú Sơn.
- Sáp nhập các phường Nam Ngạn, Trường Thi và Điện Biên.
- Sáp nhập các phường Quảng Thịnh, Quảng Thắng và xã Đông Vinh.
- Sáp nhập phường Thiệu Khánh và xã Thiệu Vân.
- Sáp nhập phường Quảng Đông và phường Quảng Cát.
- Sáp nhập phường An Hưng và phường Đông Tân.

- Sáp nhập phường Quảng Tâm và xã Quảng Phú.

Sau khi sáp xếp đơn vị hành chính cấp xã, đến hết năm 2025 thành phố Thanh Hóa còn 23 phường, xã (20 phường và 03 xã).

3.3. Giai đoạn từ năm 2025 - 2030:

Sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, đảm bảo sau khi sáp nhập diện tích và dân số đạt tiêu chí theo quy định, cụ thể:

- Sáp nhập phường Lam Sơn, Đông Sơn, Ba Đình, Ngọc Trao, Tân Sơn, Phú Sơn.

- Sáp nhập xã Hoằng Quang và xã Hoằng Đại.

- Sáp nhập phường Hàm Rồng và phường Đông Thọ

- Sáp nhập phường Đông Hương và Đông Hải.

Sau khi sáp xếp đơn vị hành chính cấp xã, đến hết năm 2030 thành phố Thanh Hóa còn 18 phường, xã (17 phường và 01 xã).

V. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ

1. Khái toán kinh phí và giai đoạn đầu tư

Nhu cầu tổng hợp vốn đầu tư phát triển toàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 cần huy động khoảng 160.000 tỷ đồng.

Dự kiến thu hút đầu tư công nghiệp và xây dựng khoảng 72.000 tỷ đồng chiếm 45% tổng vốn đầu tư; thu hút đầu tư khu vực nông nghiệp (không kể hạ tầng nông nghiệp) khoảng 2.880 tỷ đồng, chiếm 1,8% tổng vốn đầu tư xã hội; thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ (dịch vụ kinh tế, dịch vụ xã hội) và kết cấu hạ tầng dịch vụ khoảng 85.120 tỷ đồng, chiếm 53,2% tổng vốn đầu tư xã hội. Cơ cấu nguồn vốn huy động đầu tư xã hội bao gồm: Vốn đầu tư nhà nước do thành phố quản lý khoảng 12.800 tỷ đồng, chiếm 8% tổng vốn đầu tư xã hội. Vốn đầu tư nhà nước do Trung ương, tỉnh quản lý đầu tư trực tiếp trên địa bàn khoảng 12.960 tỷ đồng, chiếm 8,1%. Vốn đầu tư của dân và các thành phần kinh tế khoảng 109.440 tỷ đồng, chiếm 68,4%. Vốn đầu tư nước ngoài khoảng 22.800 tỷ đồng, chiếm 14,3%. Các nguồn vốn khác khoảng 1.920 tỷ đồng, chiếm 1,2% tổng vốn đầu tư xã hội.

2. Giải pháp huy động nguồn vốn phát triển đô thị

Phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp, ngành, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn đầu tư xã hội, bổ sung cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư để tăng hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh. Tập trung chỉ đạo quyết liệt hoàn thiện các Khu đô thị mới có tầm vóc, có quy hoạch hiện đại, đồng thời kêu gọi đầu tư xây dựng các khu đô thị mới với tổng mức đầu tư hàng chục nghìn tỷ đồng như khu đô thị Hồ Thành với quy mô 56,5 ha; khu đô thị Đông Nam thành phố với quy mô 1500 ha; khu đô thị Hàm Rồng - Núi Đèo với quy mô 4008 ha; khu đô thị mới Hoằng Quang - Hoằng Long với quy mô 292 ha.... Qua đó, tạo bước đột phá về cơ sở hạ tầng, tạo diện mạo mới cho thành phố Thanh Hóa.

Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước, nước ngoài. Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh vận động, thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài,

nguồn vốn ODA cho xây dựng hạ tầng đô thị, bảo vệ môi trường như đầu tư cứng hóa hệ thống đê sông Mã; đầu tư cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu sông nhà Lê đoạn qua thành phố Thanh Hóa. Đầu mạnh xã hội hóa đầu tư các dịch vụ xã hội (y tế, giáo dục, khoa học công nghệ...); đầu tư xây dựng hạ tầng theo hình thức hợp tác công tư (PPP), BOT, BT, huy động vốn từ quỹ đất theo quy định pháp luật đối với các dự án: Cung văn hóa thiếu nhi thành phố, Trung tâm thể dục thể thao thành phố, dự án Cầu qua sông Hạc nối Khu đô thị Bắc cầu Hạc đi Nam cầu Hạc và cầu đường gom Đại lộ Hùng Vương nối khu đô thị Bắc cầu Hạc với khu đô thị Đông Hương...

PHẦN THỨ NĂM KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa đã nằm trong lộ trình xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với tốc độ, hiện trạng phát triển thực tiễn của địa phương, tạo sự thuận lợi cho nhân dân địa phương. Đồng thời sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng các xã vùng ngoại thành; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Việc thành lập các phường tại thành phố Thanh Hóa là hết sức cần thiết, cấp bách và phù hợp với mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội đảng bộ thành phố Thanh Hóa nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Kế hoạch phát triển đô thị của tỉnh Thanh Hóa.

Đây là cơ hội để các phường nói riêng và thành phố Thanh Hóa nói chung phát triển nhanh và toàn diện hơn trong thời gian tới; xứng tầm là đô thị hạt nhân, là trung tâm công nghiệp và đầu mối giao lưu quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt Đề án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

PHỤ LỤC
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

1. Phường Quảng Phú

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

*** Về kinh tế (10 chỉ tiêu)**

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm: 14,5%; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025: 90 triệu đồng; sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm đạt 1.963 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm năm đến năm 2025: 17.500 con; Sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025: 900 tấn; Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025: 176 doanh nghiệp; tổng huy động vốn đầu tư phát triển thời kỳ 2021- 2025: 2.140 tỷ đồng; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025: 85 tỷ đồng; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10% trở lên; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông, nhựa hóa 100%.

*** Về Văn hóa - xã hội (8 chỉ tiêu)**

- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm 1,2%; phân đấu đến năm 2024 không còn hộ nghèo; tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên tổng số dân số năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ lao động được đào tạo đến năm 2025 đạt 85% trở lên; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 50%.

*** Về môi trường (02 chỉ tiêu)**

Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh, nước sạch đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 95%.

*** An ninh - Quốc phòng (02 chỉ tiêu)**

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu huấn luyện và giao quân hàng năm; tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đến năm 2025 đạt 95%.

*** Về xây dựng Đảng (02 chỉ tiêu)**

- Trong nhiệm kỳ kết nạp 20 đảng viên trở lên; hằng năm có 80% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 80% chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, 20% chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

b. Chương trình trọng tâm

Huy động mọi nguồn lực xây dựng hạ tầng xã hội và chỉnh trang đô thị.

c. Các khâu đột phá trong nhiệm kỳ

Đột phá về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phối hợp với các phòng, ban của thành phố làm tốt công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án của tỉnh và thành phố.

2. Phường Quảng Đông

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

* Về kinh tế (08 chỉ tiêu):

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025: 75 triệu đồng; sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 3.000 tấn; diện tích, năng xuất, sản lượng các cây trồng chủ yếu đến năm 2025: 106 tạ/ha; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025: 25 nghìn con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025: 20 tấn; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025 tăng lên 130 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa, nhựa hóa năm 2025: 100%.

* Về Văn hóa - xã hội (08 chỉ tiêu).

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên: 1,5%; Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm đạt 22%; Tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2025 còn 0,9%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên tổng số dân số năm 2025: 100%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025: 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm: 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm: 95%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025: 70% trở lên.

* Về môi trường (02 chỉ tiêu).

Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch: 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025: 95% trở lên.

* Về Quốc phòng - an ninh (01 chỉ tiêu).

Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025: 95%.

* Về xây dựng đảng (02 chỉ tiêu).

Tổng số đảng viên mới kết nạp trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đạt 20 Đảng viên trở lên; tỷ lệ chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ bình quân hàng năm 90% trở lên; Đảng bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b. Chương trình trọng tâm

Chương trình huy động mọi nguồn lực đóng góp, đầu tư, xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn đạt tiêu chí đô thị.

c. Các khâu đột phá

Công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với xây dựng đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng bộ, chi bộ gắn với sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

3. Phường Quảng Thịnh

a. Các chỉ tiêu chủ yếu

*** Về kinh tế**

Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 75 triệu đồng/người/năm; diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 20ha; sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm đạt 1.045,5 tấn; diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chủ yếu năm 2025 là: diện tích lúa 141,4ha, năng suất 61 tạ/ha, Sản lượng 862,5 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025 đạt 10,0 nghìn con/năm; sản lượng nuôi trồng, khai thác nước ngọt đến năm 2025 đạt 10,0 tấn/năm; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tăng trong nhiệm kỳ trung từ 150 doanh nghiệp trở lên; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 13%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được cứng hóa đến năm 2025 đạt 100%

*** Về văn hóa - xã hội**

Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm 1,37%; không có hộ tái nghèo và hộ cận nghèo; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số đến năm 2025 đạt 96% trở lên; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đến năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 60 %.

*** Về môi trường**

Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số được dùng nước sạch đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 100%.

*** Về an ninh trật tự**

Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đến năm 2025 đạt 95% trở lên.

*** Về xây dựng Đảng**

Kết nạp 25 đảng viên mới trở lên; chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 80% trở lên; Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b. Chương trình trọng tâm

Huy động mọi nguồn lực để chỉnh trang, cải tạo hạ tầng kinh tế theo tiêu chí đô thị.

c. Các khâu đột phá

Đột phá về cải cách thủ tục hành chính gắn với tinh thần nêu gương của cán bộ lãnh đạo quản lý.

4. Phường Quảng Tâm

a. Các chỉ tiêu chủ yếu

*** Về kinh tế (10 chỉ tiêu)**

Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025: 100 triệu đồng; diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025: 3 ha; sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 1.200 tấn; diện tích, năng xuất, sản lượng các cây trồng chủ yếu đến năm 2025: 100 ha, năng xuất 62 tạ/ha, sản lượng 1.240 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025: 5.000 con; Sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025: 4 tấn; Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025: 160 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được cứng hóa 100%; thành lập 01 HTX dịch vụ tổng hợp nông nghiệp - VSMT.

*** Về Văn hóa - xã hội (9 chỉ tiêu)**

Tốc độ tăng dân số tự nhiên: 0,8 %; tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên tổng số dân số đến năm 2025: 92% trở lên; tham gia BHXH tự nguyện: 35% trở lên; tỷ lệ lao động qua đào tạo giai đoạn 2020-2025: 90%; Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025: 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm: 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 96%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí văn hóa và kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025: 100%.

*** Về môi trường (2 chỉ tiêu)**

Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đến năm 2025: 100%, trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch: 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 98%.

*** Về Quốc phòng - an ninh (2 chỉ tiêu)**

Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hàng năm; tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đến năm 2025: 100%.

*** Về xây dựng đảng (2 chỉ tiêu)**

Tổng số đảng viên mới kết nạp trong nhiệm kỳ 2020-2025 đạt 25 Đảng viên trở lên; hàng năm, tỷ lệ đảng viên HTTNV đạt trên 80%; trong đó có 20% HTXSNV; 80% chi bộ HTTNV, trong đó 20% HTXSNV; đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

b. Các chương trình trọng tâm

Phát triển dịch vụ - thương mại, gắn với thành lập doanh nghiệp; Xây dựng địa phương trở thành đơn vị kiểu mẫu.

c. Các đột phá trong nhiệm kỳ

Đột phá trong cải cách thủ tục hành chính; đột phá về tính tiền phong gương mẫu, nêu gương của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn xã để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ.

5. Phường Quảng Cát

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

* Về kinh tế (08 chỉ tiêu)

Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025: 80 triệu đồng; Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025: 5 ha; sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm: 3.469 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025: 12 nghìn con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025: 18 tấn; Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn năm 2025: 80 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 15%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa 100%.

* Về Văn hóa - xã hội (08 chỉ tiêu)

Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm: 1,44%; Phấn đấu đến năm 2025 không còn hộ nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2025 còn 0,36%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên tổng số dân số năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa năm 2020 đạt 90%; tỷ lệ phố đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 70%.

* Về môi trường (02 chỉ tiêu)

Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 100%.

* Về Quốc phòng - an ninh (02 chỉ tiêu)

Chỉ tiêu giao quân đạt 100%; tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đến năm 2025 đạt 95%.

* Về xây dựng Đảng (02 chỉ tiêu)

Tổng số đảng viên mới kết nạp trong thời kỳ 2021 - 2025 đạt 25 đảng viên; tỷ lệ chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ bình quân hàng năm 70%; Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chính quyền, MTTQ, các đoàn thể đạt vững mạnh.

b. Các chương trình trọng tâm

Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống đường giao thông trên địa bàn; phát triển dịch vụ, chú trọng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch; Nâng cao chất lượng giáo dục, 3 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

c. Các đột phá trong nhiệm kỳ

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, trọng tâm là nâng cao vai trò, trách nhiệm của đảng viên trong xây dựng đảng và xây dựng đô thị văn minh.

6. Phường Thiệu Dương

a. Các chỉ tiêu chủ yếu

* Về kinh tế: (9 chỉ tiêu)

Tốc độ tăng của giá trị sản xuất đạt: 15,5%; Sản lượng lương thực có hạt hàng năm: 1820 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm đến năm 2025 là 18.000 con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản đến năm 2025 đạt 2,4 tấn; diện tích đất nông nghiệp tích tụ, tập trung sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025 là 59,7ha;số doanh nghiệp mới được thành lập 48 doanh nghiệp; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 là 75 triệu đồng; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa: 100%; tăng thu ngân sách hàng năm đạt: 11%.

* Về Văn hóa – xã hội: (9 chỉ tiêu)

Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm: 0,9%; tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2021 không còn hộ nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2025 dưới 0,3%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 89%;tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm, BHYT đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 99% trở lên; Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa năm 2025 đạt 90% trở lên; Tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu đến năm 2025 đạt 100%

* Về môi trường: (3 chỉ tiêu);

Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt 2,9%. Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Trong đó: tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch là 85%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 90%.

* Về Quốc phòng – An ninh: (01 chỉ tiêu)

Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 là 95%.

* Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: (02 chỉ tiêu)

Tỷ lệ chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ bình quân hàng năm 90% trở lên. Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân luôn đạt vững mạnh toàn diện.

b. Các chương trình trọng tâm.

Chương trình phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn và giảm thiểu tác động của thiên tai đến đời sống của nhân dân; chương trình dịch vụ, thương mại trọng tâm là du lịch văn hóa.

c. Các khâu đột phá

Cải cách thủ tục hành chính gắn với nâng cao văn hóa, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức; huy động các nguồn lực đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng hoàn thiện các tiêu chí đô thị.

7. Phường Thiệu Khanh

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

* Về kinh tế

Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80 triệu đồng/người/năm trở lên; diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 phấn đấu đạt: 45 ha; sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm: 1.562,7 tấn; diện tích các cây trồng chủ yếu (lúa, ngô, rau các loại) năm 2025: 381,6 ha; tổng đàn gia súc, gia cầm đến năm 2025: 27.000.000 con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản đến năm 2025: 18 tấn; Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025: 35 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách hàng năm tăng 10% trở lên; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được cứng hóa đến năm 2025: 100%.

* Về văn hóa - xã hội

Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm dưới 1%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm: 0,31%, phấn đấu đến 2025 không còn hộ nghèo; Tỷ lệ hộ cận nghèo đến năm 2025 dưới 1%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT đến năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa năm 2025 đạt 90% trở lên; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 50%

* Về môi trường

Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Trong đó, tỷ lệ dân số dùng nước sạch đến năm 2025 đạt 100%; Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 100%.

* Về an ninh trật tự

Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT năm 2025 đạt 100%.

* Về xây dựng Đảng

Hàng năm, tỷ lệ đảng viên HTTNV đạt trên 80%, HTXSNV đạt 20%; chi bộ HTTNV đạt trên 95%, HTXSNV đạt 20%; Đảng bộ đạt HTNV trở lên; Kết nạp đảng viên mới trong nhiệm kỳ: 25 đảng viên trở lên.

b. Các Chương trình trọng tâm

Chương trình phát triển thương mại, dịch vụ hướng tới trọng tâm là dịch vụ du lịch; chương trình xây dựng, phát triển nông nghiệp chất lượng cao, có sản phẩm hàng hóa nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn.

c. Các khâu đột phá

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, gắn với nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức.

8. Phường Đông Tân

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

* Về kinh tế: (08 chỉ tiêu)

Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85 triệu đồng. giá trị sản xuất trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản 110 triệu đồng/ha/năm; sản

lượng lương thực hàng năm đạt 1.518 tấn; đàn gia súc, gia cầm bình quân hàng năm đạt 7.000 con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản bình quân đạt 10 tấn/năm; thu ngân sách hằng năm tăng từ 5% trở lên (không tính tiền đầu giá đất); Xóa bỏ 100% lò vôi thủ công (khi tinh có cơ chế hỗ trợ); đến năm 2025 có 160 doanh nghiệp.

* **Về văn hóa - xã hội:** (8 chỉ tiêu)

Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm đạt 1,2%; phần đấu không phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo; Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 98%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hóa hằng năm 92% trở lên; 7/7 khu dân cư và 3 trường giữ vững danh hiệu đơn vị văn hóa, 4 khu dân cư kiểu mẫu; trường THCS, tiểu học, mầm non được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2; Số lao động xuất khẩu hằng năm 50 người trở lên; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hằng năm đạt 98%.

* **Về môi trường:** (3 chỉ tiêu)

Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh: 100%; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh môi trường; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý 100%.

* **Về Quốc phòng - An ninh:** (2 chỉ tiêu)

Phần đấu 100% thanh niên trong độ tuổi tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự; hoàn thành chỉ tiêu giao quân; 100% khu dân cư đạt chuẩn về ANTT.

* **Về xây dựng Đảng:** (2 chỉ tiêu)

Tỷ lệ đảng viên hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 90% trở lên, không có đảng viên vi phạm tư cách; 90% tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảng bộ hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 20 đảng viên mới trở lên.

* **Chỉ tiêu bổ sung của xã:** (4 chỉ tiêu)

Tổng vốn đầu tư phát triển thời kỳ 2021-2025 đạt 3.677 tỷ đồng; tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 14,9%; tổng giá trị sản xuất (theo giá thực tế) đến năm 2025 đạt 4.849 tỷ đồng; trong nhiệm kỳ, số người có việc làm mới 1.000 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 98%.

b. Các chương trình trọng tâm

Tập trung phát huy mọi nguồn lực để đầu tư, cải tạo, nâng cấp, kết nối hạ tầng đô thị theo hướng đô thị hóa; chương trình xây dựng con người Đông Tân “Nói lời hay, làm việc tốt, hành động thân thiện, có khát vọng làm giàu chính đáng” để xây dựng xã Đông Tân ngày một phát triển, giàu đẹp, văn minh.

c. Các khâu đột phá

Cải cách hành chính, đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính để đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn mới; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại mà trọng tâm là tăng chuỗi giá trị.

9. Phường Đông Lĩnh

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

*** Về kinh tế (10 chỉ tiêu)**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 15,3% trở lên, trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng 15,2%; dịch vụ thương mại tăng 15,2%; Nông, lâm, thủy sản giảm 1,2%; giá trị sản xuất trên 01ha canh tác đạt từ 115 đến 120 triệu đồng/năm; diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 30 ha; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80 triệu đồng/năm/người; trong nhiệm kỳ phát triển mới 90 doanh nghiệp trở lên; tăng thu ngân sách thường xuyên bình quân hàng năm tăng 10% so với dự toán thành phố giao; đảm bảo chi ngân sách cho hoạt động thường xuyên và hàng năm, có tiết kiệm 10 - 15% cho trả nợ; duy trì và giữ vững đơn vị đạt chuẩn công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; Tập trung phát triển hạ tầng đô thị theo quy hoạch, tỷ lệ đô thị xanh đạt từ 35% trở lên; chăm sóc và bảo vệ tốt 127,3 ha rừng phòng hộ.

*** Về Văn hóa - xã hội (9 chỉ tiêu)**

Trong 5 năm tạo việc làm mới cho 1.100 lao động; tỷ lệ lao động được đào tạo và học nghề đến năm 2025 đạt 89%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 0,7 %; trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 8%; giảm tỷ lệ sinh con thứ 3; Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đến năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ tổ dân phố đạt tiêu chí kiểu mẫu đến năm 2025 đạt từ 3 - 5 đơn vị; đến năm 2022 không còn hộ nghèo; đến năm 2025 không còn hộ cận nghèo; giữ vững danh hiệu 3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Phần đấu xây dựng 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; xã được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 về y tế.

*** Về môi trường (3 chỉ tiêu)**

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 100%; 100% số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, có 90% số hộ sử dụng nước máy; 100% cơ sở kinh doanh đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.

*** Về an ninh - quốc phòng (4 chỉ tiêu)**

100% vụ việc xảy ra đều được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời; 85% trở lên khu dân cư đạt an toàn về an ninh trật tự; 100% người tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện thực hiện đội mũ bảo hiểm và thực hiện triệt để quy định về người tham gia giao thông không có nồng độ cồn; Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và công tác huấn luyện DQTV hàng năm.

*** Chỉ tiêu về xây dựng Đảng (2 chỉ tiêu)**

Hàng năm, tỷ lệ đảng viên HTTNV đạt trên 80 %; Tổ chức chi bộ HTTNV đạt trên 90 % trở lên; Kết nạp từ 30 Đảng viên mới trở lên. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội đạt vững mạnh.

b. Các chương trình trọng tâm

Tích tụ ruộng đất 30 ha trong đó có 10 ha là ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; Xây dựng xã Đông Lĩnh trở thành phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

c. Các khâu đột phá

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, nêu cao tinh thần phong, gương mẫu của người đứng đầu; tập trung thu hút các nguồn lực thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng chỉnh trang, phát triển hạ tầng cơ sở; tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường theo quy hoạch. Phát huy tốt lợi thế của địa phương, phát triển dịch vụ thương mại du lịch trên địa bàn.

10. Phường Long Anh

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

*** Về kinh tế (7 chỉ tiêu)**

Thu nhập thực tế bình quân đầu người/năm đến năm 2025: 85 triệu đồng; Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 1.987,2 tấn; Diện tích, năng xuất, sản lượng các cây trồng chủ yếu đến năm 2025: 342 ha, năng xuất 10,5 tấn/ha, sản lượng 14.810 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm, năm 2025: 9.600 con. Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025: 262 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được cứng hóa 100%.

*** Về hoạt động văn hóa – xã hội (8 chỉ tiêu)**

Tốc độ tăng dân số tự nhiên dưới 1%; năm 2021 không còn hộ nghèo; Năm 2024 không còn hộ cận nghèo; tỷ lệ dân số tham gia BHXH tự nguyện đạt chỉ tiêu thành phố giao, BHYT toàn dân số năm 2025: 95% trở lên; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025: 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm: 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt từ 90% trở lên; năm 2025, 75% tổ dân phố và cơ quan, đơn vị trực thuộc được công nhận đơn vị kiểu mẫu.

*** Về môi trường (02 chỉ tiêu)**

Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh đến năm 2025: 100%, trong đó tỷ lệ dân số được dùng nước sạch: 100%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt từ 100% trở lên.

*** Quốc phòng - An ninh (02 chỉ tiêu)**

Chỉ tiêu giao quân hàng năm đạt 100%; Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đến năm 2025 đạt 85% trở lên.

*** Về xây dựng Đảng (02 chỉ tiêu)**

Tổng số đảng viên mới kết nạp trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đạt 25 đảng viên trở lên; Hàng năm, tỷ lệ đảng viên HTT NV đạt trên 80%, HTX SNV đạt

20%; chi bộ HTT NV đạt trên 80%, HTXSNV đạt 20%; Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

b. Chương trình trọng tâm

Chương trình phát triển dịch vụ - thương mại; chương trình chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng hiện trạng để kết nối với các mặt bằng quy hoạch, xây dựng phường đạt chuẩn “Văn minh đô thị” vào năm 2023, đạt tiêu chí “ Vệ sinh, an toàn thực phẩm” nâng cao.

c. Khâu đột phá trong nhiệm kỳ

Giải phóng mặt bằng đúng tiến độ các dự án trên địa bàn và vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình phúc lợi, xã hội, xây dựng phường đạt chuẩn “Văn minh đô thị”.

TÓM TẮT CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

1. Về tiêu chuẩn của phường.

Quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính:

Điều 8. Tiêu chuẩn của phường

1. Quy mô dân số:

a) Phường thuộc quận từ 15.000 người trở lên;

b) Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương từ 7.000 người trở lên;

c) Phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

2. Diện tích tự nhiên từ 5,5 km² trở lên.

3. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị.

2. Về tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

Quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính:

2.1. Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

Bảng 1.2 - Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Chỉ tiêu	Thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương	Thị xã	Thị trấn	Quận	Phường thuộc quận	Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương	Phường thuộc thị xã
1	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	Dư	Đủ	Đủ	Dư	Dư	Đủ	Đủ
2	Thu nhập	1,75	1,05	0,7	-	1,05	-	-	-

2.2. Tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng.

Bảng 2.1 - Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị				
			Đặc biệt	I	II	III	IV
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phòng thông tin	m ² /người				≥ 2,7	
2	Trạm y tế ($\geq 500\text{ m}^2/\text{trạm}$)	trạm/5.000 người				≥ 1	
3	Sân luyện tập ($\geq 3.000\text{ m}^2$)	m ² /người				≥ 0,5	
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình				≥ 1	
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người				≥ 2	
6	Diện tích đất giao thông tinh trên dân số	km/km ²	≥ 15	≥ 13	≥ 11	≥ 9	≥ 1
7	Cáp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 1.000	≥ 850	≥ 700	≥ 500	≥ 350
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 90
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 90
10	Mật độ đường công thoát nước chính	km/km ²	≥ 4,5	≥ 4	≥ 4	≥ 3,5	≥ 3
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 50	≥ 40	≥ 30	≥ 25	≥ 15
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	≥ 90	≥ 80	≥ 80	≥ 70

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 336 /BNV-CQDP

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2018

V/v chủ trương thành lập các
phường thuộc thành phố Thanh Hóa,
tỉnh Thanh Hóa

SỞ NỘI VỤ THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 336
Chuyển:	Đến: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
Lưu hồ sơ số:	Ngày: 24/01/2018

Trả lời Văn bản số 188/BC-UBND ngày 18/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc xin chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Theo phương án đề nghị thành lập phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tại Văn bản số 118/BC-UBND nêu trên thì tỉnh Thanh Hóa chủ trương thành lập 10 phường thuộc thành phố Thanh Hóa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của 10 xã nhằm tạo điều kiện cho công tác quản lý đối với đơn vị hành chính có tốc độ đô thị hóa nhanh, làm cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mô hình quản lý theo mô hình của chính quyền đô thị. Đề nghị thành lập các phường nêu trên không làm tăng đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Thanh Hóa, phù hợp với quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương. Bộ Nội vụ thống nhất với đề nghị của UBND tỉnh Thanh Hóa về sự cần thiết thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa. Tuy nhiên, căn cứ tiêu chuẩn của phường quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì có 08 phường dự kiến thành lập chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô diện tích tự nhiên, gồm: Hoằng Long, Hoằng Anh, Quảng Đông, Quảng Tâm, Quảng Thịnh, Đông Lĩnh, Đông Hưng và Đông Tân.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nghiên cứu và tính toán kỹ phương án thành lập các phường nêu trên theo hướng nhập một số đơn vị hành chính không đạt tiêu chuẩn về quy mô diện tích tự nhiên, dân số nhằm tăng quy mô đơn vị hành chính cấp xã theo tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa căn cứ quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương,

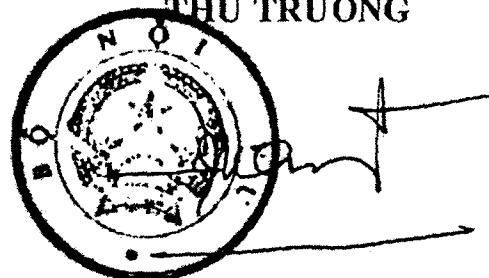
Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 nêu trên để xây dựng Đề án, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa./. *u*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân (đề b/c);
- Thủ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa;
- UBND thành phố Thanh Hóa;
- Lưu: VT, CQĐP (3b) *Nhiệm.*

KT, BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 1605 /UBND-CN

V/v chủ trương thành lập các
phường thuộc thành phố
Thanh Hóa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Thanh Hóa.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 336/BNN-CQĐP ngày 24/01/2018
của Bộ Nội vụ về việc chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố
Thanh Hóa, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Anh Tuấn có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Vụ Chính quyền địa phương, Bộ
Nội vụ, Sở Xây dựng, UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan,
căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số
1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về
tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để xây dựng Đề
án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa đảm bảo các điều kiện,
tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Công văn số 336/BNN-CQĐP ngày
24/01/2018, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- PCT UBND tỉnh Lê Anh Tuấn (để b/cáo);
- CVP UBND tỉnh Ngô Hoàng Kỳ;
- Lưu: VT, CN.

H41(2018).Trien khai CT thanh lap cac phuong.doc

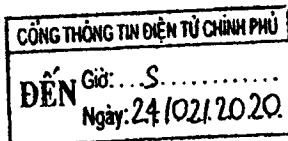
Ngô Hoàng Kỳ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 271/Ttg-CN

V/v công nhận kết quả báo cáo rà soát,
đánh giá thành phố Thanh Hóa
theo tiêu chí đô thị loại I,
trực thuộc tỉnh Thanh Hóa

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2020



Kính gửi:

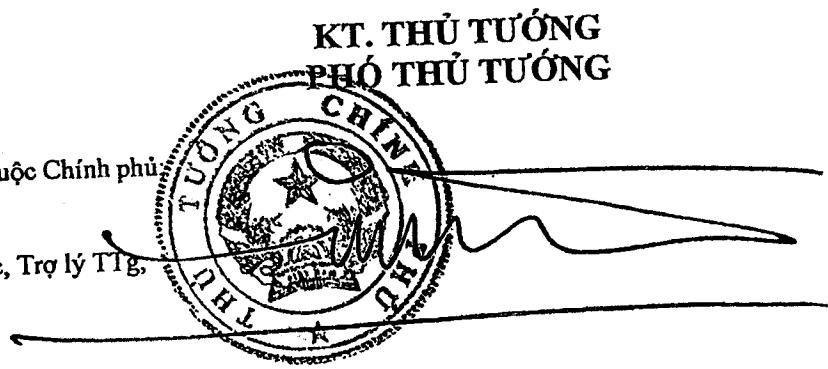
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng (Công văn số 531/BXD-PTĐT ngày 14 tháng 02 năm 2020) và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019) về việc công nhận kết quả rà soát, đánh giá thành phố Thanh Hóa theo tiêu chí đô thị loại I và trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của các khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thành phố Thanh Hóa, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng có ý kiến như sau:

Công nhận kết quả báo cáo rà soát, đánh giá thành phố Thanh Hóa theo tiêu chí đô thị loại I, trực thuộc tỉnh Thanh Hóa như đề nghị của Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại các văn bản nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, PTTg Trịnh Đình Dũng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy Ban Pháp luật của Quốc hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Cao Lục, Trợ lý Ttg, TGĐ Cổng TTĐT,
các Vụ: TH, NC, NN, KGVX, PL;
- Lưu: VT, CN (2b). Tuần 9



Trịnh Đình Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 2208 /UBND-THKH

V/v tổ chức lấy ý kiến cử tri
đối với việc thành lập các
phường thuộc thành phố
Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- UBND thành phố Thanh Hóa.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 300/SNV-XDCQ&CTTN ngày 27/02/2020 của Sở Nội vụ về việc hoàn chỉnh hồ sơ, đề án để tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Để đảm bảo trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với hồ sơ Đề án nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 300/SNV-XDCQ&CTTN ngày 27/02/2020 nêu trên; giao UBND thành phố Thanh Hóa chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; kèm theo các tài liệu lấy ý kiến cử tri, như sau:

1.1. Mẫu phiếu lấy ý kiến cử tri.

1.2. Tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri gồm:

a) Đề án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

b) Bản tóm tắt Đề án.

2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức lấy ý kiến cử tri; tổng hợp, lập báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri; hoàn chỉnh đề án, thực hiện trình tự, hồ sơ thủ tục, báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Thành ủy, HĐND TP Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 262/UBTVQH14 - PL

V/v thống nhất thực hiện các quy định về
điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính
gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Chính phủ,

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trên cơ sở xem xét đề nghị của Thường trực Ủy ban Pháp luật và các cơ quan có liên quan, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ, các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện một số nội dung về địa giới hành chính như sau:

1. Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành liên quan và chính quyền địa phương cấp tỉnh khẩn trương rà soát, thống kê tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, báo cáo Chính phủ. Đối với các đơn vị hành chính mà chưa đạt 50% tiêu chuẩn về quy mô dân số hoặc diện tích tự nhiên thì khẩn trương xây dựng đề án, báo cáo cấp có thẩm quyền để chỉ đạo triển khai, hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn trước năm 2021. Đối với các đơn vị hành chính còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định thì phải có phương án sắp xếp để từ năm 2021 đến năm 2030 hoàn thành việc sắp xếp, thu gọn để đáp ứng tiêu chuẩn quy định.

Số liệu về quy mô dân số làm căn cứ để rà soát được xác định theo quy định tại Phụ lục 2 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sau đây gọi là Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13).

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ xem xét, quyết định việc thành lập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã khi đơn vị được thành lập mới và các đơn vị được chia, điều chỉnh đều bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện và theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Việc đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sắp xếp các đơn vị hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các địa phương đã rà soát kỹ về tiêu chuẩn, điều kiện và đặt trong tổng thể chung nhằm bảo đảm tính ổn định của các đơn vị hành chính.

Riêng đối với trường hợp điểm c khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 quy định việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì



không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên: Để thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội, đề nghị cơ quan thẩm định, thẩm tra và chính quyền địa phương khi tiến hành lập, thẩm định, thẩm tra các đề án về thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cần lưu ý:

a) Nếu đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nào chưa đạt 50% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định của pháp luật thì kiêng quyết trả lại hồ sơ;

b) Nếu đơn vị hành chính nào đạt từ 50% tiêu chuẩn trở lên về diện tích tự nhiên và bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật thì vẫn tiến hành các quy trình, thủ tục để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định nhưng phải kèm theo phương án, kế hoạch, lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

3. Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành, liên quan và chính quyền địa phương thực hiện nghiêm quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và đề nghị lưu ý một số nội dung sau đây:

a) Đối với đô thị được công nhận loại đô thị trước ngày 25/5/2016 (ngày Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 có hiệu lực thi hành) mà phạm vi phân loại đô thị không trùng với phạm vi ranh giới đơn vị hành chính dự kiến thành lập thì khi lập đề án thành lập phải rà soát, đánh giá lại toàn bộ đơn vị hành chính dự kiến thành lập để công nhận loại đô thị phù hợp, không chỉ đánh giá khu vực dự kiến mở rộng nội thành, nội thị để thành lập quận, phường hoặc khu vực dự kiến sáp nhập vào đơn vị hành chính đô thị;

b) Chỉ sau khi đã có văn bản đánh giá, phân loại đô thị của cơ quan có thẩm quyền thì mới tiến hành các thủ tục lấy ý kiến nhân dân, lấy ý kiến Hội đồng nhân dân các cấp và tiến hành các thủ tục pháp lý khác để thành lập đơn vị hành chính đô thị.

4. Chính phủ khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhân dân về các đề án liên quan đến thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, trong đó xác định rõ chủ thể quyết định việc lấy ý kiến nhân dân và đối tượng được lấy ý kiến.

5. Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành và chính quyền địa phương có liên quan khẩn trương rà soát các khu vực có tranh chấp về địa giới hành chính do lịch sử để lại; chủ động xử lý dứt điểm theo thẩm quyền, bảo đảm sự đồng thuận giữa cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương có liên quan. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc dẫn đến phải điều chỉnh địa giới hành chính thì Chính phủ cần xây dựng đề án điều chỉnh địa giới hành chính trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

6. Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Pháp luật trong việc chuẩn bị hồ sơ, dự kiến chương trình, kế hoạch trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội các đề án về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Hồ sơ đề án trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải được lập theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và phải kèm theo tổng hợp ý kiến, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính có liên quan, của hội đồng thẩm định và của các thành viên Chính phủ. Đối với vấn đề cần báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì trong hồ sơ phải có ý kiến của cấp ủy địa phương.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ về địa giới hành chính, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương kịp thời ghi nhận, tổng hợp ý kiến kiến nghị, phản ánh của nhân dân, các cơ quan hữu quan và địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hướng dẫn các địa phương thực hiện thống nhất pháp luật. Trường hợp thật cần thiết, đề nghị Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi, bổ sung các văn bản có liên quan thuộc thẩm quyền để thực hiện tốt công tác địa giới hành chính theo đúng chủ trương của Trung ương.

8. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thi hành pháp luật có liên quan đến địa giới hành chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thành viên UBTQH;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Nội vụ;
 - Bộ Xây dựng;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Văn phòng Trung ương Đảng;
 - Ban Tổ chức Trung ương;
 - Ủy ban Pháp luật của QH;
 - Lưu: HC, PL.
- Số e-PAS: 28349

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

KT. CHỦ TỊCH

Đ/PT. CHỦ TỊCH



Chu Lưu



UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ NỘI VỤ

Số 162/BC-SNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

**Thẩm định đề án, trình tự, hồ sơ thủ tục thành lập các phường
thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2208/UBND-THKH ngày 27/02/2020, Sở Nội vụ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thẩm định đề án, trình tự, hồ sơ thủ tục thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ PHƯƠNG ÁN
THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ THANH HÓA**

1. Sự cần thiết thành lập các phường

Thành phố Thanh Hóa là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội... của tỉnh Thanh Hóa, được thành lập theo Nghị định số 37-CP ngày 01/5/1994 của Chính phủ.

Cách Thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam, thành phố Thanh Hóa có vị trí địa lý, kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh đặc biệt quan trọng; là đầu mối, cửa ngõ giao thương ra biển gần nhất của khu vực phía Tây, Tây Bắc Việt Nam, Đông Bắc Lào. Có Quốc lộ 1A, Quốc lộ 45, Quốc lộ 47, đường sắt Bắc – Nam chạy qua, thành phố Thanh Hóa kết nối trực tiếp với thủ đô Hà Nội, thành phố Vinh, các vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Miền Trung, khu vực Đông Bắc Lào, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 217, cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, cửa khẩu Quốc gia Tén Tần. Năm 2014, thành phố Thanh Hóa được công nhận là đô thị loại I, theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; năm 2019, thành phố Thanh Hóa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 15/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Cùng với sự phát triển chung của thành phố Thanh Hóa, đặc biệt là sau hơn 10 năm thực hiện quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, theo Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 16/01/2009 của Thủ tướng Chính Phủ; sau 08 năm điều chỉnh về thành phố Thanh Hoá quản lý, theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 29/02/2012 của Chính phủ, các xã: Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh đã có bước phát triển vượt bậc về kinh tế; cơ cấu chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ

trong các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; tốc độ phát triển kinh tế của các xã đều đạt khá; thu ngân sách vượt kế hoạch đề ra; công tác văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao; xoá đói, giảm nghèo được quan tâm chú trọng, tỷ lệ hộ nghèo của các xã ngày một giảm; giáo dục, y tế phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Là khu vực giáp ranh trực tiếp với khu vực nội thành, chịu sự tác động của quá trình đô thị hóa cao tại nội thành; trên địa bàn các xã đã và đang diễn ra quá trình dịch chuyển dân cư từ khu vực nội thành ra sinh sống, hình thành lõi sống đô thị. Mặt khác, do là nơi tập trung hơn hàng ngàn cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trường học... đã làm tăng nhanh dân số cơ học, dẫn đến quy mô dân số, mật độ dân số tại các xã ngày càng tăng; dân cư chuyển sang sinh sống bằng các ngành nghề kinh doanh, thương mại, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, làm tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn các xã. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng đồng bộ; hệ thống giao thông trên địa bàn các xã cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình được sử dụng điện lưới; hệ thống cấp nước, thoát nước được đầu tư xây dựng hoàn thiện; các tuyến đường chính được chiếu sáng công cộng; các hộ dân cơ bản được sử dụng nước sạch; rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

Từ những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đã đặt ra cho các xã Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư theo mô hình đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Từ những vấn đề này, có thể thấy mô hình quản lý của chính quyền nông thôn hiện nay không còn phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế và tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn các xã, đòi hỏi phải có mô hình chính quyền đô thị để quản lý. Thành lập các phường Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; đồng thời, thành lập các phường cũng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thanh Hóa, đảm bảo cơ cấu nội, ngoại thành trong tương lai, đáp ứng vai trò là trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã

hội trong khu vực; đồng thời đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương; góp phần vào việc nâng cao tỷ lệ đô thị hóa của thành phố Thanh Hóa và của tỉnh Thanh Hóa (đạt 35% vào năm 2020).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn thành lập các phường

2.1. Điều kiện thành lập các phường:

Thành lập các phường Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; cụ thể: (1) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị; (2) Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương; phát huy, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; (3) Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; (4) Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho nhân dân.

2.2. Tiêu chuẩn thành lập các phường:

Thành lập các phường Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh đạt đủ 04/04 tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thành phố theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

3. Phương án thành lập các phường

3.1. Thành lập các phường Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh.

3.2. Sau khi thành lập, thành phố Thanh Hóa có tổng diện tích tự nhiên 145,41 km², quy mô dân số 510.053 người, 34 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 30 phường và 4 xã (tăng 10 phường, giảm 10 xã).

II. ĐỀ ÁN, TRÌNH TỰ, HỒ SƠ THỦ TỤC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ THANH HÓA

1. Đề án thành lập các phường

Thực hiện Công văn số 336/BNV-CQĐP ngày 24/01/2018 của Bộ Nội vụ và Công văn số 1605/UBND-CN ngày 29/02/2018 của UBND tỉnh về chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa; Sở Nội vụ, UBND

thành phố Thanh Hóa đã và đơn vị liên quan đã tiến hành rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng đề án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 8 Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh.

Nội dung, bô cục của đề án đã đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Trình tự và hồ sơ thủ tục thành lập các phường

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Đề án sau khi được hoàn chỉnh cùng với bản tóm tắt đề án, phương án, mẫu phiếu lấy ý kiến cử tri, đã được UBND tỉnh chuyển đến UBND thành phố Thanh Hóa chỉ đạo, hướng dẫn các xã tổ chức lấy ý kiến cử tri theo Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính (Công văn số 2208/UBND-THKH ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh).

b) UBND thành phố Thanh Hóa đã xây dựng kế hoạch lấy ý kiến cử tri; thành lập các tổ công tác; thông tin, tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ công tác lấy ý kiến cử tri cho cán bộ, công chức của các xã, các thôn và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức lấy ý kiến cử tri.

c) UBND các xã Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Linh và Long Anh hoàn thành việc lập danh sách cử tri theo địa bàn các thôn xong trước ngày 01/02/2020. Danh sách cử tri được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và thường xuyên thông tin trên trên hệ thống đài truyền thanh; thời gian niêm yết đảm bảo đủ 30 ngày theo quy định.

Trên cơ sở đề án, bản tóm tắt đề án, phương án, mẫu phiếu lấy ý kiến cử tri được gửi đến; UBND các xã đã chỉ đạo các thôn tổ chức thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của việc thành lập các phường; công khai nội dung đề án để nhân dân biết và tham gia ý kiến; danh sách cử tri; quyền của cử tri; thời gian, địa điểm, hình thức lấy ý kiến cử tri.

d) Từ ngày 02 – 04/3/2020, các xã đã hoàn thành việc lấy ý kiến cử tri; theo đó, phương án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa đều được cử tri đồng thuận, thống nhất cao. Tỷ lệ cử tri tham gia ý kiến đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ cử tri đồng ý với phương án thành lập phường đạt từ 91% trở lên.

e) Căn cứ kết quả thống nhất của cử tri; đề án, phương án đã được trình đến HĐND các xã và HĐND thành phố Thanh Hóa thảo luận, biểu quyết tán thành chủ trương thành lập phường đạt 100% so với số đại biểu tham dự kỳ họp (chi tiết tại Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04 kèm theo).

2.2. Hồ sơ thủ tục.

Hồ sơ, thủ tục thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa đã đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 1211 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gồm các tài liệu sau: (1) Tờ trình của UBND thành phố Thanh Hóa; (2) Báo cáo tổng hợp ý kiến của cử tri và họp HĐND các xã và thành phố Thanh Hóa; (3) Nghị quyết, trích Biên bản kỳ họp của HĐND thành phố Thanh Hóa; (4) Tờ trình của UBND các xã; (5) Nghị quyết, trích Biên bản kỳ họp của HĐND các xã; (6) Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cử tri của các thôn; (7) Đề án sắp xếp thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa; (8) Bản đồ hiện trạng và phương án thành lập; các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

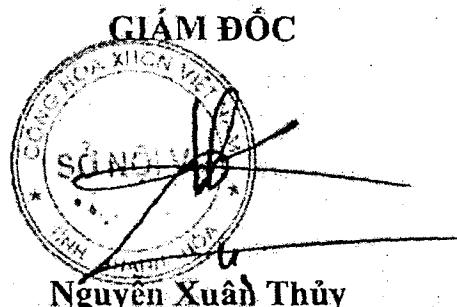
III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

UBND thành phố Thanh Hóa tiếp tục thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với việc thành lập các phường Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh và Long Anh; tên gọi, vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc thành lập phường; định hướng phát triển của các phường sau khi thành lập; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tiếp thu các ý kiến góp ý để tiếp tục hoàn thiện nội dung đề án, trình tự, hồ sơ thủ tục; hoàn thành phim tư liệu về hiện trạng phát triển của các xã thành lập phường.

Sở Nội vụ kính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét (có dự thảo tờ trình, nghị quyết, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri gửi kèm theo)./

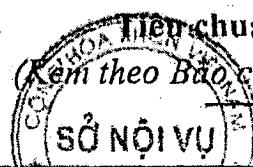

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND thành phố Thanh Hóa;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT, XDCQ&CTTN.



BẢNG TỔNG HỢP

Tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa
 (Kèm theo Báo cáo số 162 /BC-SNV ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Sở Nội vụ)



TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị Tỉnh	Theo quy định	Quảng Phú	Quảng Đông	Quảng Thịnh	Quảng Tâm	Quảng Cát	Thiệu Khánh	Thiệu Dương	Đông Tân	Đông Lĩnh	Long Anh
1	Tiêu chuẩn về quy mô dân số	Người	7.000	10.534	8.395	10.374	10.230	11.505	12.425	13.122	8.515	10.764	11.243
2	Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên	Km ²	5,5	6,50	5,33	4,89	3,67	6,65	5,32	5,71	4,42	8,74	5,79
3	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội												
3.1	Cân đối thu chi ngân sách			Đủ	Dư	Đủ	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố (1,10%)	1,01	1,07	0,72	1,06	1,06	1,06	1,00	0,68	1,07	1,06
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥ 80%	85,51	87,03	84,98	85,47	84,68	91,11	82,35	81,02	80,19	80,43
4	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị												
4.1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² /người	≥ 2,7	2,74	2,70	3,04	2,75	3,23	2,70	2,69	2,70	2,80	2,70
4.2	Trạm y tế (≥ 500 m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2

4.3	Sân luyen tập ($\geq 3.000 m^2$)	m ² /người	$\geq 0,5$	1,07	0,90	2,30	0,72	0,63	0,70	0,78	0,82	2,11	0,66
4.4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	1	4	1	1	1	1	1	1	2
4.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	≥ 2	2,52	2,56	2,54	2,59	2,39	2,42	2,30	2,63	2,47	2,35
4.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 13	13,00	13,09	13,01	15,07	14,15	13,74	14,99	14,35	13,51	15,52
4.7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 850	863,53	902,91	879,10	950,61	862,79	855,83	949,48	935,00	853,31	892,05
4.8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	98,96	100	100	98,46	98,28	97,26	98,40	100	99,02	99,31
4.9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	100	100	100	100,0	100,0	100,0	100	100	100,0
4.10	Mật độ đường công thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	4,55	4,56	4,55	4,40	5,02	5,26	4,59	4,69	5,05	4,31
4.11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 40	47,59	46,28	42,06	48,99	41,44	46,08	46,70	45,92	48,90	44,47
4.12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	95,62	92,87	96,43	97,83	94,20	92,44	93,34	95,25	98,84	94,15



Ký bởi Sở Tư Pháp
Giờ ký: 2020.03.23 17:00:58
+07:00

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 105 /BCTD-STP

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc tách thành chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 22/03/2020, Sở Nội vụ có Công văn số 498/SNV-XDCQ&CTTN về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc tách thành chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có báo cáo thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền ban hành văn bản:

Khoản 2 Điều 132, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: "...*Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh có liên quan thảo luận biểu quyết về việc tách thành hoặc không tách thành chủ trương thành lập, giải thể, chia, điều chỉnh địa giới hành chính theo trình tự từ cấp xã đến cấp huyện, cấp tỉnh*".

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành "Nghị quyết về việc tách thành chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa" là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Nội dung văn bản:

Nội dung dự thảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

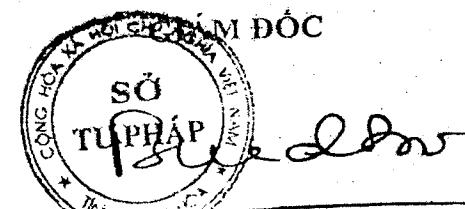
3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Tại phần trên gọi của văn bản có lỗi chính tả, đề nghị đơn vị soạn thảo cần rà soát để hoàn thiện văn bản trước khi báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, kính chuyển Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở nội vụ;
- Giám đốc Sở;
- Lưu VT, XDVB.



Bùi Đình Sơn

TỈNH ỦY THANH HÓA

*

Số 1245 -KL/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 4 năm 2020

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 26 và 27/3/2020; sau khi nghe Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến về việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa (Tờ trình số 84/TTr-BCS ngày 25/3/2020); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận:

Thống nhất chủ trương thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, theo đề nghị của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tại Tờ trình số 84/TTr-BCS ngày 25/3/2020. Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng, đơn vị liên quan hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục theo quy định; báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Giao Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo các ban chức năng của HĐND tỉnh thẩm tra việc thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đảng đoàn HĐND tỉnh;
- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh;
- Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Thành ủy, HĐND, UBND TP Thanh Hóa;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ Bí THƯ THƯỜNG TRỰC



Đỗ Trọng Hưng